

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN
CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH HÀ NAM
GIAI ĐOẠN 2024-2025

Hà Nam, năm 2024

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| Phần thứ nhất: CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN | 4 |
| I. CĂN CỨ PHÁP LÝ | 4 |
| II. THỰC TRẠNG CHUYÊN ĐỔI SỐ TỈNH HÀ NAM | 4 |
| 1. Về phát triển hạ tầng số | 4 |
| 2. Về phát triển dữ liệu, nền tảng số | 5 |
| 3. Về đảm bảo an toàn thông tin | 6 |
| 4. Về phát triển nguồn nhân lực | 6 |
| 5. Về phát triển chính quyền số | 6 |
| 6. Về phát triển kinh tế số | 8 |
| 7. Về phát triển xã hội số | 8 |
| 8. Triển khai Đề án 06 | 9 |
| III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ | 10 |
| Phần thứ hai: NỘI DUNG ĐỀ ÁN | 10 |
| I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO | 10 |
| II. MỤC TIÊU | 11 |
| 1. Mục tiêu chung | 11 |
| 2. Mục tiêu cụ thể | 11 |
| III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM | 12 |
| 1. Nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính | 12 |
| 2. Nâng cao sự tương tác giữa người dân và chính quyền, nâng cao mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính | 12 |
| 3. Xây dựng các hệ thống thông tin, phần mềm, tạo lập cơ sở dữ liệu phục vụ sự chỉ đạo, điều hành, hỗ trợ ra quyết định | 13 |
| IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN | 13 |
| V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN | 13 |
| 2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | 13 |
| 3. Sở Thông tin và Truyền thông | 14 |
| 4. Sở Tài chính | 14 |
| 5. Sở Kế hoạch và Đầu tư | 14 |
| 6. Sở Nội vụ | 14 |
| 7. Công an tỉnh | 15 |

Phụ lục I DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA ĐỀ ÁN... 1

Phụ lục II DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ TRIỂN KHAI TỔNG THỂ NĂM 2025..... 3

Phần thứ nhất: CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Quyết định số 749/QĐ/TTg Ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Quyết định số 942/QĐ-TTg, ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030.

Quyết định 411/QĐ-TTg, ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5 năm 2024.

Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng đề án chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương.

Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/09/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn các bộ ngành, địa phương xây dựng kế hoạch chuyển đổi số năm 2025.

Nghị quyết số 24-NQ/TU ngày 25/4/2022 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Hà Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án chuyển đổi số tỉnh Hà Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

II. THỰC TRẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH HÀ NAM

1. Về phát triển hạ tầng số

Hiện nay, 100% các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố đều có mạng cục bộ (LAN) và kết nối Internet. Tỷ lệ trung bình máy tính/cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên là 100%. Tỷ lệ trung bình máy tính/cán bộ, công chức cấp xã là 85%.

100% các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng để triển khai các dịch vụ, các nền tảng số phục vụ việc quản lý, điều hành chung của tỉnh, đảm bảo an toàn thông tin.

100% các xã, phường, thị trấn đều có đường truyền cáp quang, Internet cung cấp đến tận thôn, tổ dân phố; 100% dân số được phủ sóng thông tin di động 3G, 4G. Viettel Hà Nam đang triển khai phủ sóng mạng 5G tại khu vực trung tâm thành phố Phủ Lý, huyện Lý Nhân; dự kiến năm 2025 sẽ triển khai trên địa bàn toàn tỉnh; Mạng 5G giúp người dùng truy cập Internet và truyền tải dữ liệu nhanh hơn mạng 4G (ước tính trung bình gấp 10 lần), là hạ tầng số quan trọng giúp tỉnh đẩy nhanh chuyển đổi số.

Hệ thống hội nghị truyền hình gồm 116 điểm cầu, có kết nối với Chính phủ, hoạt động thường xuyên từ Trung ương đến tỉnh, từ huyện đến xã mang lại hiệu quả cao trong công tác chỉ đạo, điều hành và tiết kiệm thời gian, chi phí.

2. Về phát triển dữ liệu, nền tảng số

Duy trì Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Hà Nam và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) để khai thác các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quốc gia. Hoàn thành kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu 16 hệ thống qua LGSP.

Duy trì hoạt động hiệu quả các hệ thống thông tin dùng chung: Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành; Hệ thống thư điện tử; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Hà Nam; Cổng Thông tin điện tử tỉnh Hà Nam.

Duy trì hoạt động một số phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành: Quản lý cấp phép lái xe; Quản lý khám chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế cho các cơ sở y tế trên toàn tỉnh; Quản lý hộ tịch....

Tỉnh Hà Nam đã kết nối, tích hợp các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia bao gồm: Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp; Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm; Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia; Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật; Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến; Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch; Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước; Liên thông Tài nguyên Môi trường - Thuế; Cổng dịch vụ công của Bộ Xây dựng; Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam; Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức; Cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe; Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và rà soát,

cập nhật cơ sở dữ liệu về trợ giúp xã hội; Hệ thống định danh và xác thực điện tử; Hệ thống thông tin nguồn; Liên thông giữa các hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Cổng dịch vụ công quốc gia. Trong đó, các hệ thống, cơ sở dữ liệu kết nối, tích hợp với Hệ thống thông tin giải quyết Thủ tục hành chính tỉnh được khai thác và sử dụng thường xuyên, hiệu quả.

3. Về đảm bảo an toàn thông tin

Đã kiện toàn, duy trì hoạt động của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Duy trì hoạt động hiệu quả Trung tâm Giám sát, điều hành an toàn thông tin mạng (SOC) tỉnh Hà Nam; kết nối giám sát 14 hệ thống thông tin cấp độ 3; kết nối gần 1.000 máy tính lên Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC). Tổ chức đánh giá an toàn thông tin cho 14 hệ thống thông tin cấp độ 3 đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.

Phê duyệt cấp độ an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin. Tổ chức diễn tập thực chiến về đảm bảo an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh; tổ chức tuyên truyền, quán triệt các văn bản quy định về công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

4. Về phát triển nguồn nhân lực

Tại mỗi sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đều có 01 cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin (quản trị mạng).

Toàn tỉnh đã thành lập 100% Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, thôn, tổ dân phố (109 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, 686 Tổ công nghệ số cộng đồng thôn, tổ dân phố).

Năm 2024, tổ chức tập huấn, đào tạo cho gần 5.000 lượt cán bộ, công chức, viên chức về chuyển đổi số. Trong đó, UBND tỉnh đã phối hợp với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội (Viettel) tổ chức 03 lớp tập huấn về chuyển đổi số dành cho cán bộ chủ chốt của tỉnh.

5. Về phát triển chính quyền số

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nội bộ

Hệ thống quản lý văn bản và điều hành liên thông 4 cấp chính quyền. 100% các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thường xuyên ứng dụng phần mềm vào công tác chỉ đạo, điều hành và gửi, nhận văn bản điện tử liên thông giữa các cơ quan trong tỉnh, liên thông với các bộ, ngành trung ương qua

trực liên thông văn bản quốc gia. Trên 90% văn bản được ký số phát hành trên môi trường mạng (trừ văn bản mật).

Hệ thống thư điện tử của tỉnh đảm bảo cung cấp hộp thư điện tử cho cán bộ, công chức từ cấp tỉnh đến cấp xã. Tỷ lệ cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc là 95%.

Duy trì hoạt động Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Hà Nam kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; Phần mềm lập hồ sơ lưu trữ điện tử cho các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh; Hệ thống quản lý hoạt động khoáng sản và cơ sở dữ liệu khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Cổng Thông tin Du lịch và ứng dụng du lịch thông minh tỉnh Hà Nam; Cơ sở dữ liệu quy hoạch, đô thị liên thông trên địa bàn tỉnh; Hệ thống quản lý công dân nhập ngũ nghĩa vụ quân sự tỉnh Hà Nam.

Đang triển khai Hệ thống Quản lý, vận hành, lưu trữ, bảo trì Hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Hà Nam; Phần mềm quản lý thư viện điện tử tại các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở trên toàn tỉnh; Hệ thống giám sát xe vận chuyển rác và khối lượng xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; Hệ thống chuẩn hóa xác thực tập trung (SSO) tỉnh Hà Nam; Hệ thống ứng dụng (App) công dân số tỉnh Hà Nam; Hệ thống thông tin nguồn tỉnh Hà Nam; Hệ thống thông tin quản lý các trang thông tin điện tử, mạng xã hội và giám sát nội dung các website, blog, fanpage, tài khoản mạng xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Hệ thống chấm điểm, đánh giá Bộ chỉ số chuyển đổi số của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Trung tâm điều hành thông minh (IOC) tỉnh Hà Nam đã tích hợp, kết nối 10 hệ thống thông tin của các sở, ngành. Một số chỉ tiêu cơ bản về kinh tế - xã hội được các ngành cung cấp số liệu và cập nhật vào hệ thống. Hoàn thành kết nối Trung tâm Điều hành thông minh (IOC) tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Trung tâm Điều hành đô thị thông minh thành phố Phủ Lý thu thập, phân tích, chuẩn hóa dữ liệu về camera an ninh, camera giao thông trên địa bàn; duy trì hệ thống phản ánh kiến nghị (App công dân thành phố Phủ Lý)...phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của thành phố.

b) Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

Cổng Thông tin điện tử tỉnh Hà Nam đã được cập nhật khá đầy đủ thông tin. Cập nhật nhiều văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh; cung cấp thông tin hữu ích phục vụ người dân và doanh nghiệp; trả

lời kịp thời câu hỏi thắc mắc của người dân và doanh nghiệp; trung bình hằng tháng cập nhật 85 tin, bài. Nhiều chuyên mục trên cổng đã được thiết kế, tạo lập và cập nhật thông tin. Cổng thành phần của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã tạo đủ các mục thông tin chủ yếu theo quy định. Hầu hết các cơ quan đã cập nhật đầy đủ thông tin vào các mục. Trung bình hằng tháng có 35 tin, bài được cập nhật trên mỗi cổng thành phần.

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Nam cung cấp tất cả các dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình; cập nhật đầy đủ các thủ tục hành chính của tỉnh; công khai toàn bộ quy trình giải quyết, kết quả giải quyết. Hệ thống cung cấp tổng số 1.795 thủ tục, trong đó: 1.300 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 420 dịch vụ công một phần và 75 dịch vụ công khác. Năm 2024 (tính đến ngày 31/11/2024), tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến đạt 85,2%; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn đạt 98,8%; tỷ lệ hồ sơ thành toán trực tuyến đạt 78,3%.

6. Về phát triển kinh tế số

Tỉnh Hà Nam đã quan tâm thu hút đầu tư trong phát triển công nghiệp công nghệ cao tại các khu công nghiệp. Hiện có trên 140 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử viễn thông trên địa bàn tỉnh.

Triển khai 02 sàn thương mại điện tử chính (Buudien.vn của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam; santhuongmaihanam.vn của Sở Công Thương). Theo Hệ thống theo dõi của Bộ Thông tin và Truyền thông (tmdt.mic.gov.vn), tính đến nay, Hà Nam có số giao dịch trên sàn: 15.362 giao dịch; số tài khoản hoạt động trên sàn: 92.811 tài khoản; số hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn: 69.747 hộ; số hộ sản xuất nông nghiệp được đào tạo kỹ năng số: 89.650 hộ; số sản phẩm được đưa lên sàn: 3.313 sản phẩm.

Theo công bố của Tổng cục Thống kê cuối tháng 12/2023, tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của Hà Nam đạt 13,25%, xếp thứ 9/63 tỉnh, thành phố.

7. Về phát triển xã hội số

Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán điện tử đạt gần 90%. Số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân khoảng 70.000 chữ ký số.

Số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối Internet băng rộng cố định: 125 điểm.

Các doanh nghiệp viễn thông ngày càng mở rộng cung cấp các dịch vụ mới: Thanh toán điện tử; triển khai giải pháp công nghệ thông tin; chất lượng dịch vụ điện thoại và tốc độ Internet luôn được đảm bảo phù hợp các chỉ tiêu đã công bố của doanh nghiệp theo quy định và duy trì ổn định, đáp ứng tốt nhu cầu thông tin liên lạc, truy cập Internet và các dịch vụ có liên quan của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Thực hiện lộ trình tắt sóng 2G, các doanh nghiệp viễn thông đã ban hành các chính sách ưu đãi, khuyến mại và hỗ trợ điện thoại thông minh cho người dân chuyển đổi lên thuê bao 4G. Đến nay, doanh nghiệp viễn thông đã tặng trên 9.000 điện thoại 4G cho khách hàng; hỗ trợ giảm giá điện thoại, ưu đãi tặng gói data, phút gọi...) cho gần 13.000 khách hàng khi mua điện thoại 4G.

Các cơ sở y tế, bệnh viện, cơ sở giáo dục, trường học đã thúc đẩy triển khai thanh toán viện phí, học phí không dùng tiền mặt. Ngành giáo dục và đào tạo đang triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu ngành. Triển khai ký số học bạ điện tử, sổ điểm điện tử toàn ngành giáo dục ở các cấp học. Ngành du lịch triển khai ứng dụng du lịch thông minh. Ngành lao động - thương binh và xã hội tích cực triển khai các biện pháp phát triển người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp... qua tài khoản ATM, các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt.

Tổ công nghệ số cộng đồng đã tổ chức hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng dịch vụ số phục vụ cho nhu cầu thiết yếu như thanh toán số; hướng dẫn đăng ký cài đặt và sử dụng các tài khoản thanh toán điện tử, mô hình chợ 4.0; sử dụng các ứng dụng chuyển đổi số; tham gia sàn thương mại điện tử...

8. Triển khai Đề án 06

Tỉnh Hà Nam đang triển khai các nhiệm vụ liên quan tới phát triển công dân số như: Cấp Căn cước, kích hoạt định danh điện tử, đẩy mạnh chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội không dùng tiền mặt, số hoá tạo lập dữ liệu trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Đã thực hiện chuẩn hóa xác thực tập trung (SSO) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, xác thực đăng nhập thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia bằng Căn cước công dân. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho phép công dân chủ động sử dụng tài khoản định danh điện tử VNID để đăng nhập và đăng ký các dịch vụ công trên hệ thống một cách dễ dàng qua hình thức quét mã QR-code trên ứng dụng VNID.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số chưa đồng đều ở các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, có cơ quan, đơn vị, địa phương chưa bám sát mục tiêu, chương trình, kế hoạch đề ra, kết quả còn hạn chế.

Cơ sở dữ liệu chuyên ngành chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ, kết nối chia sẻ dữ liệu các cấp trung ương đến địa phương, khai thác, chia sẻ dữ liệu giữa các ngành còn hạn chế, thủ tục hành chính còn nhiều giấy tờ, chưa đơn giản, thuận tiện cho người dùng.

Hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị còn thiếu, chất lượng chưa đảm bảo.

Nhân lực về chuyển đổi số còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng.

Công tác tuyên truyền đạt hiệu quả chưa cao, nhất là việc tuyên truyền đến người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ trên môi trường số.

Phần thứ hai: NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương và sự tham gia của tổ chức doanh nghiệp, người dân là yếu tố quyết định sự thành công của chuyển đổi số.

2. Người dân và doanh nghiệp là trung tâm của chuyển đổi số, lấy phát triển con người, bảo đảm và cải thiện dân sinh làm mục đích, minh bạch hoá và tăng cường sự tham gia của người dân, doanh nghiệp vào hoạt động của cơ quan nhà nước. Người dân chỉ phải cung cấp thông tin, giấy tờ một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện thủ tục hành chính.

3. Dữ liệu số là tài nguyên quan trọng, được quản lý tập trung, thống nhất và chia sẻ dùng chung trong toàn bộ hệ thống chính trị, phục vụ người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Việc kết nối, tích hợp, khai thác các cơ sở dữ liệu quốc gia, dữ liệu dùng chung của tỉnh phải đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên môi trường số.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số với các mũi nhọn đột phá có tính chất tương tự như Đề án 06 và bảo đảm kết nối với Đề án 06, tập trung chỉ đạo thực hiện xong và thành công trong thời gian từ nay đến hết năm 2025, phù hợp với Chương trình chuyển đổi số quốc gia, các chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số, Chiến lược dữ liệu quốc gia, Đề án 06 và các chiến lược, chương trình, đề án, kế hoạch chuyển đổi số khác của bộ, ngành và tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Nhóm tiện ích phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và định danh xác thực, chia sẻ dữ liệu dân cư (chỉ tiêu Bộ Thông tin và Truyền thông giao 95%).

- Hồ sơ trực tuyến toàn trình của các dịch vụ công trực tuyến đạt tỷ lệ tối thiểu 90% (chỉ tiêu Bộ Thông tin và Truyền thông giao 60%).

- 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính của cá nhân được lưu trữ điện tử với số định danh cá nhân là thông tin bắt buộc phục vụ cho kết nối, chia sẻ, tái sử dụng (chỉ tiêu Bộ Thông tin và Truyền thông giao 100%).

- Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về giải quyết thủ tục hành chính (chỉ tiêu Bộ Thông tin và Truyền thông giao 90%).

- Thực hiện chuẩn hoá, tái cấu trúc quy trình, tích hợp, khai thác dữ liệu đã được số hoá để cắt giảm giấy tờ, đơn giản hoá thủ tục hành chính.

b) Nhóm tiện ích phục vụ công dân số

- Cung cấp các dịch vụ công, dịch vụ thương mại phục vụ tiện ích số của công dân trên Hệ thống ứng dụng (App) công dân số tỉnh Hà Nam (Dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, phản ánh hiện trường, tra cứu thông tin điện, nước...).

- Đảm bảo 100% các phản ánh, kiến nghị của người dân trên Hệ thống ứng dụng (App) công dân số tỉnh Hà Nam được trả lời, giải đáp đúng quy định.

c) Nhóm tiện ích phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền

- Triển khai các hệ thống thông tin, phần mềm, tạo lập cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

- Tạo lập cơ sở dữ liệu, phục vụ kết nối, chia sẻ, khai thác; hỗ trợ ra quyết định.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính

- Thiết kế lại giao diện, trải nghiệm của người dùng với các dịch vụ công trực tuyến thiết yếu, nhiều người dùng.

- Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã; lưu trữ vào Kho dữ liệu Kho dữ liệu hồ sơ thủ tục hành chính để tích hợp, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Nam. Khai thác dữ liệu đã được số hoá để tái sử dụng trong giải quyết thủ tục hành chính, giảm giấy tờ, hướng tới dịch vụ công trực tuyến không giấy tờ.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Kết nối toàn diện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Nam với Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số (Hệ thống EMC).

2. Nâng cao sự tương tác giữa người dân và chính quyền, nâng cao mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính

- Triển khai Hệ thống Hệ thống ứng dụng (App) công dân số tỉnh Hà Nam.

- Xây dựng quy chế, quy trình tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên môi trường số thông qua Hệ thống ứng dụng (App) công dân số tỉnh Hà Nam.

- Tuyên truyền tới người dân, doanh nghiệp sử dụng Hệ thống ứng dụng (App) công dân số tỉnh Hà Nam. Triển khai thực hiện tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân trên Hệ thống ứng dụng (App) công dân số tỉnh Hà Nam.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ công nghệ số cộng đồng, thực hiện phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà”, hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng Hệ thống ứng dụng (App) công dân số tỉnh Hà Nam; sử dụng dịch vụ công trực

tuyển; đảm bảo 100% hộ gia đình có người dân cài đặt, sử dụng Hệ thống ứng dụng (App) công dân số tỉnh Hà Nam, sử dụng thành thạo dịch vụ công trực tuyến.

3. Xây dựng các hệ thống thông tin, phần mềm, tạo lập cơ sở dữ liệu phục vụ sự chỉ đạo, điều hành, hỗ trợ ra quyết định

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các hệ thống thông tin, phần mềm, cơ sở dữ liệu đang triển khai.

- Lựa chọn triển khai một số nhiệm vụ, dự án trọng tâm.

Danh mục các nhiệm vụ trọng tâm của Đề án trong phụ lục I.

Danh mục các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số triển khai tổng thể năm 2025 trong phụ lục II

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Đề án được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh; Tổ Công tác Đề án 06 tỉnh

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Trưởng Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh, Tổ trưởng Tổ Công tác Đề án 06 tỉnh chỉ đạo, điều hành toàn diện hoạt động của Đề án; trực tiếp chỉ đạo một số nhiệm vụ của Đề án. Phân công đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực Thông tin và Truyền thông, Phó Trưởng Ban thường trực Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh, Tổ phó Tổ Công tác Đề án 06 tỉnh trực tiếp chỉ đạo các hoạt động của Đề án; xem xét giải quyết các công việc thường xuyên của Đề án.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trực tiếp chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ được giao tại Đề án (có danh mục chi tiết kèm theo); chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả triển khai.

Trên cơ sở các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Đề án này, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện gửi Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để theo dõi, phối hợp thực hiện đảm bảo hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Rà soát nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin tại cơ quan, đơn vị; thường xuyên rà soát, cập nhật dữ liệu dùng chung, chuyên ngành, đảm bảo dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”, tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung, cung cấp dữ liệu mở theo quy định.

Định kỳ trước ngày 20 hằng tháng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện (qua Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp).

3. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức triển khai Đề án, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện nhiệm vụ được giao tại Đề án. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30 hằng tháng để theo dõi, chỉ đạo.

Phối hợp, tham gia ý kiến đối với các chương trình, dự án của Đề án do các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chủ trì thực hiện. Chủ động nắm bắt, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ của Đề án và phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tìm phương án giải quyết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Chủ trì tham mưu và tổ chức cung cấp thông tin phục vụ công tác tuyên truyền, định hướng và công khai kết quả triển khai thực hiện Đề án.

4. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị, Sở Tài chính tổng hợp, đề xuất kinh phí (nguồn chi thường xuyên) thực hiện Đề án báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí nguồn vốn đầu tư công thực hiện Đề án.

6. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức phát động phong trào thi đua chuyên đề về chuyển đổi số toàn tỉnh. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đánh giá thi đua, khen thưởng đối với trách nhiệm người đứng đầu về kết quả triển khai Đề án của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai đào tạo, tập huấn chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh; kiện toàn chức năng, nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị có liên quan đến nhiệm vụ chuyển đổi số.

Đề xuất xây dựng các quy định, quy chế để đánh giá cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính.

7. Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp với đơn vị liên quan hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện đảm bảo đồng bộ Đề án 06.

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA ĐỀ ÁN

| STT | Nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Lãnh đạo chỉ đạo |
|------------|--|------------------------------|---|-----------------------------|-------------------------|
| I | Nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính | | | | |
| 1 | Ứng dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính. | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố | Quý IV/2025 | Chủ tịch UBND tỉnh |
| 2 | Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực. Khai thác dữ liệu đã được số hoá để tái sử dụng trong giải quyết thủ tục hành chính | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố | Quý IV/2025 | Phó Chủ tịch UBND tỉnh |
| II | Nâng cao sự tương tác với người dân và chính quyền, nâng cao mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính | | | | |
| 1 | Triển khai Hệ thống Hệ thống ứng dụng (App) công dân số tỉnh Hà Nam. | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố | Quý II/2025 | Chủ tịch UBND tỉnh |
| 2 | Xây dựng quy chế, quy trình tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên môi trường số thông qua Hệ thống ứng dụng (App) công dân số tỉnh Hà Nam. | Sở Thông tin và Truyền thông | Văn phòng UBND tỉnh | Quý III/2025 | Phó Chủ tịch UBND tỉnh |

| | | | | | |
|------------|---|-------------------------------------|---|--------------|------------------------|
| III | Xây dựng các hệ thống thông tin, phần mềm, tạo lập cơ sở dữ liệu phục vụ sự chỉ đạo, điều hành, hỗ trợ ra quyết định | | | | |
| 1 | Kho dữ liệu dùng chung và Cổng dữ liệu mở tỉnh Hà Nam | Sở Thông tin và Truyền thông | Văn phòng UBND tỉnh | Quý III/2025 | Phó Chủ tịch UBND tỉnh |
| 2 | Cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Hà Nam | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh | | |
| 3 | Hệ thống quản lý công chức, viên chức | Sở Nội vụ | Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh | | |
| 4 | Hệ thống quản trị, điều hành điện tử, tạo ra kênh tương tác trực tiếp với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp | Ban Quản lý các Khu công nghiệp | Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh | Quý IV/2025 | |
| 5 | Hệ thống quản lý an sinh xã hội tỉnh Hà Nam | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh | | |

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ TRIỂN KHAI TỔNG THỂ NĂM 2025

| STT | Nhiệm vụ, dự án | Cơ quan chủ trì | Dự kiến phí năm 2025 (triệu đồng) | | Thời gian thuê (năm) | |
|----------|---|--|--------------------------------------|-----------------|----------------------|---|
| | | | Đầu tư công | Thường xuyên | | |
| | | | | Đầu tư, mua sắm | Thuê dịch vụ | |
| I | CÁC SỞ, BAN, NGÀNH | | | | | |
| 1. | Đầu tư trang thiết bị phục vụ chuyển đổi số và Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2024-2025, tầm nhìn đến năm 2030 | Sở Thông tin và Truyền thông | 14.960 | | | |
| 2. | Xây dựng Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Hà Nam | | | 952 | Thuê tư vấn | |
| 3. | Nền tảng trợ lý ảo GenAI tích hợp với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính hỗ trợ người dân và doanh nghiệp | | | | 1.000 | 3 |
| 4. | Nền tảng trợ lý ảo cho cán bộ, công chức | | | | 2.000 | 3 |
| 5. | Hệ thống quản lý và cơ sở dữ liệu ngành thông tin và truyền thông | | | | 2.185 | 3 |
| 6. | Bản quyền phần mềm phòng, chống mã độc cho máy tính của các cơ quan, đơn vị | | | | 2.500 | 3 |
| 7. | Nâng cấp Cổng Thông tin điện tử tỉnh Hà Nam | | | | 11.565 | 3 |
| 8. | Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | 2.915 | 3 |

| STT | Nhiệm vụ, dự án | Cơ quan chủ trì | Dự kiến phí năm 2025 (triệu đồng) | | Thời gian thuê (năm) | |
|-----|--|-----------------------------|--------------------------------------|-----------------|----------------------|---|
| | | | Đầu tư công | Thường xuyên | | |
| | | | | Đầu tư, mua sắm | Thuê dịch vụ | |
| 9. | Nâng cấp, duy trì Sàn giao dịch thương mại điện tử Hà Nam | Sở Công Thương | | | 350 | 3 |
| 10. | Cơ sở dữ liệu tình hình phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh | | | 1.420 | | |
| 11. | Hệ thống quản lý và cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng giao thông; dự án giao thông | Sở Giao thông vận tải | | | 5.200 | 3 |
| 12. | Hệ thống quản lý đăng ký phương tiện thủy nội địa, cấp giấy phép xe tập lái, đăng ký xe máy chuyên dùng | | | | 1.600 | 3 |
| 13. | Nền tảng bản đồ số trên địa bàn tỉnh Hà Nam | Sở Tài nguyên và Môi trường | | | 720 | 3 |
| 14. | Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Hà Nam | | | | 3.630 | 3 |
| 15. | Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn | | | | 2.485 | 3 |
| 16. | Hệ thống thông tin quản lý tổ chức bộ máy, biên chế gắn với vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Hà Nam | Sở Nội vụ | | | 1.715 | 5 |
| 17. | Đề án số hóa tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử (Phần mềm quản lý tài liệu lưu trữ điện tử; Số hóa tài liệu lưu trữ; Đầu tư trang thiết bị) | | | 15.848 | | |
| 18. | Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính tỉnh Hà Nam | Sở Tư pháp | | | 1.680 | 3 |
| 19. | Hệ thống chứng thực điện tử tỉnh Hà Nam | | | | 1.340 | 5 |

| STT | Nhiệm vụ, dự án | Cơ quan chủ trì | Dự kiến phí năm 2025 (triệu đồng) | | Thời gian thuê (năm) | |
|-----|--|--------------------------------------|--------------------------------------|-----------------|----------------------|---|
| | | | Đầu tư công | Thường xuyên | | |
| | | | | Đầu tư, mua sắm | Thuê dịch vụ | |
| 20. | Hệ thống quản lý di sản văn hóa | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | 1.775 | 3 |
| 21. | Nền tảng hồ sơ sức khỏe điện tử | Sở Y tế | | | 2.015 | 4 |
| 22. | Nền tảng Trạm y tế xã | | | | 1.565 | 4 |
| 23. | Phần mềm cơ sở dữ liệu tập trung ngành giáo dục, số hóa kết nối giữa gia đình và nhà trường trên địa bàn tỉnh | Sở Giáo dục và Đào tạo | | | 3.500 | 3 |
| 24. | Học bạ số tiểu học, trung học, công dân số | | | 1.150 | | |
| 25. | Hệ thống quản lý an sinh xã hội tỉnh Hà Nam | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | | | 2.435 | 3 |
| 26. | Hệ thống quản lý lao động việc làm tỉnh Hà Nam | | | 1.000 | | |
| 27. | Số hoá quản lý hồ sơ người có công tỉnh Hà Nam | | | 2.500 | | |
| 28. | Cơ sở dữ liệu về Giá trên địa bàn tỉnh Hà Nam | Sở Tài chính | | 2.850 | | |
| 29. | Hệ thống quản trị, điều hành điện tử, tạo ra kênh tương tác trực tiếp với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp (UBND tỉnh đã có văn bản đồng ý chủ trương, chưa bố trí kinh phí) | Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh | | | 1.275 | 3 |
| 30. | Hệ thống quản lý nghiệp vụ HĐND các cấp | Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh | | | 1.500 | 3 |
| 31. | Tòa soạn hội tụ | Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nam | | 10.796 | | |

| STT | Nhiệm vụ, dự án | Cơ quan chủ trì | Dự kiến phí năm 2025 (triệu đồng) | | | Thời gian thuê (năm) |
|------------|---|-----------------------------------|--------------------------------------|-----------------|---------------|----------------------|
| | | | Đầu tư công | Thường xuyên | | |
| | | | | Đầu tư, mua sắm | Thuê dịch vụ | |
| II | CÁC CƠ QUAN ĐẢNG, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, TỔ CHỨC XÃ HỘI | | | | | |
| 1. | Chuyển đổi số Lịch sử Đảng bộ và các tài liệu có liên quan trên địa bàn tỉnh Hà Nam | Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy | | 1.500 | | |
| 2. | Số hóa tài liệu tại Lưu trữ lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Nam | Văn phòng Tỉnh ủy | | 8.140 | | |
| 3. | Toà soạn hội tụ | Báo Hà Nam | | 4.970 | | |
| 4. | Hệ thống thông tin tổng thể Hội Nông dân tỉnh Hà Nam | Hội Nông dân | | 700 | | |
| 5. | Xây dựng bản đồ số hoá thông tin khởi nghiệp của thanh niên | Tỉnh đoàn | | 1.300 | | |
| 6. | Hệ thống tin tổng thể và cơ sở dữ liệu vận động hiến máu tình nguyện tỉnh Hà Nam | Hội Chữ thập đỏ | | 1.450 | | |
| III | UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ (UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí) | | | | | |
| | Triển khai Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông | UBND các huyện, thị xã, thành phố | 60.000 | | | |
| | Cộng | | 74.960 | 54.576 | 54.950 | |
| | Tổng | | 184.486 | | | |